

Phần một

HƯỚNG DẪN CHUNG

I - MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

1. Mục tiêu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội các lớp 1, 2, 3

Môn Tự nhiên và Xã hội (TN-XH) các lớp 1, 2, 3 nhằm giúp học sinh (HS) :

- Có một số kiến thức cơ bản, ban đầu về :

- Con người và sức khỏe (cơ thể người, cách giữ vệ sinh cơ thể và phòng tránh bệnh tật, tai nạn).

- Một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội.

- Bước đầu hình thành và phát triển những kĩ năng :

- Tự chăm sóc sức khỏe bản thân ; ứng xử hợp lí trong đời sống để phòng chống một số bệnh tật và tai nạn.

- Quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, biết cách diễn đạt những hiểu biết của mình về các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội.

- Hình thành và phát triển những thái độ và hành vi :

- Có ý thức thực hiện các quy tắc giữ vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

- Yêu thiên nhiên, gia đình, trường học, quê hương.

2. Mục tiêu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

Sau khi học xong môn TN-XH lớp 3, HS sẽ :

- Biết tên, chức năng và giữ vệ sinh các cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh. Biết tên và cách phòng tránh một số bệnh thường gặp ở cơ quan hô hấp, tuần hoàn và bài tiết nước tiểu.

- Biết mối quan hệ họ hàng nội, ngoại. Biết phòng tránh cháy khi ở nhà. Biết được những hoạt động chủ yếu của nhà trường và giữ an toàn khi ở trường. Biết tên một số cơ sở hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế và một số hoạt động thông tin liên lạc, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại ở tỉnh (thành phố) nơi HS ở. Biết một số quy tắc đối với người đi xe đạp. Biết về cuộc sống trước kia và hiện nay ở địa phương và giữ vệ sinh môi trường.

- Biết được sự đa dạng và phong phú của thực vật và động vật ; chức năng của thân, rễ, lá, hoa, quả đối với đời sống của cây và ích lợi đối với con người ; ích lợi hoặc tác hại của một số động vật đối với đời sống con người. Biết vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất và đời sống con người ; vị trí và sự chuyển động của Trái Đất trong hệ Mặt Trời ; sự chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất ; hình dạng, đặc điểm bề mặt Trái Đất ; biết ngày đêm, năm tháng, các mùa.

II - NỘI DUNG MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3

1. Nội dung chương trình

Chủ đề : Con người và sức khoẻ

Cơ quan hô hấp (nhận biết trên sơ đồ ; tập thở sâu, thở không khí trong sạch ; phòng một số bệnh lây qua đường hô hấp).

Cơ quan tuần hoàn (nhận biết trên sơ đồ ; hoạt động lao động và tập thể dục thể thao vừa sức ; phòng bệnh tim mạch).

Cơ quan bài tiết nước tiểu (nhận biết trên sơ đồ ; biết giữ vệ sinh).

Cơ quan thần kinh (nhận biết trên sơ đồ ; biết ngủ, nghỉ ngơi, học tập và làm việc điều độ).

Chủ đề : Xã hội

Gia đình : Mối quan hệ họ hàng nội, ngoại (cô dì, chú bác, cậu và các anh chị em họ) ; quan hệ giữa sự gia tăng số người trong gia đình và số người trong cộng đồng ; biết giữ an toàn khi ở nhà (phòng cháy khi đun, nấu).

Trường học : Một số hoạt động chính ở trường tiểu học, vai trò của giáo viên (GV) và HS trong các hoạt động đó ; biết giữ an toàn khi ở trường (không chơi các trò chơi nguy hiểm).

Tỉnh hoặc thành phố nơi đang sống : một số cơ sở hành chính, giáo dục, văn hoá, y tế,... ; làng quê và đô thị ; giữ vệ sinh nơi công cộng ; an toàn giao thông (quy tắc đi xe đạp).

Chủ đề : Tự nhiên

Thực vật và động vật : Đặc điểm bên ngoài của cây xanh và một số con vật (nhận biết đặc điểm chung và riêng của một số cây cối và con vật).

Mặt Trời và Trái Đất : Mặt Trời : nguồn sáng và nguồn nhiệt ; vai trò của Mặt Trời đối với sự sống trên Trái Đất ; Trái Đất trong hệ Mặt Trời ; Mặt Trăng và Trái Đất. Trái Đất : hình dạng, đặc điểm bề mặt và sự chuyển động của Trái Đất ; ngày đêm, năm tháng, các mùa.

2. Nội dung cụ thể

Con người và sức khoẻ (18 bài)

- Bài 1. Hoạt động thở và cơ quan hô hấp
- Bài 2. Nên thở như thế nào ?
- Bài 3. Vệ sinh hô hấp
- Bài 4. Phòng bệnh đường hô hấp
- Bài 5. Bệnh lao phổi
- Bài 6. Máu và cơ quan tuần hoàn
- Bài 7. Hoạt động tuần hoàn
- Bài 8. Vệ sinh cơ quan tuần hoàn
- Bài 9. Phòng bệnh tim mạch
- Bài 10. Hoạt động bài tiết nước tiểu
- Bài 11. Vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu
- Bài 12. Cơ quan thần kinh
- Bài 13. Hoạt động thần kinh
- Bài 14. Hoạt động thần kinh (tiếp theo)
- Bài 15. Vệ sinh thần kinh
- Bài 16. Vệ sinh thần kinh (tiếp theo)
- Bài 17-18. Ôn tập : Con người và sức khoẻ

Xã hội (21 bài)

- Bài 19. Các thế hệ trong một gia đình
- Bài 20. Họ nội, họ ngoại
- Bài 21-22. Thực hành : Phân tích và vẽ sơ đồ mối quan hệ họ hàng

- Bài 23. Phòng cháy khi ở nhà
- Bài 24. Một số hoạt động ở trường
- Bài 25. Một số hoạt động ở trường (tiếp theo)
- Bài 26. Không chơi các trò chơi nguy hiểm
- Bài 27-28. Tỉnh (thành phố) nơi bạn đang sống
- Bài 29. Các hoạt động thông tin liên lạc
- Bài 30. Hoạt động nông nghiệp
- Bài 31. Hoạt động công nghiệp, thương mại
- Bài 32. Làng quê và đô thị
- Bài 33. An toàn khi đi xe đạp
- Bài 34-35. Ôn tập và kiểm tra học kì I
- Bài 36. Vệ sinh môi trường
- Bài 37. Vệ sinh môi trường (tiếp theo)
- Bài 38. Vệ sinh môi trường (tiếp theo)
- Bài 39. Ôn tập : Xã hội

Tự nhiên (31 bài)

- Bài 40. Thực vật
- Bài 41. Thân cây
- Bài 42. Thân cây (tiếp theo)
- Bài 43. Rễ cây
- Bài 44. Rễ cây (tiếp theo)
- Bài 45. Lá cây
- Bài 46. Khả năng kì diệu của lá cây
- Bài 47. Hoa
- Bài 48. Quả
- Bài 49. Động vật
- Bài 50. Côn trùng
- Bài 51. Tôm, cua
- Bài 52. Cá
- Bài 53. Chim
- Bài 54. Thú

- Bài 55. Thú (tiếp theo)
Bài 56-57. Thực hành : Đi thăm thiên nhiên
Bài 58. Mặt Trời
Bài 59. Trái Đất. Quả địa cầu
Bài 60. Sự chuyển động của Trái Đất
Bài 61. Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời
Bài 62. Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất
Bài 63. Ngày và đêm trên Trái Đất
Bài 64. Năm, tháng và mùa
Bài 65. Các đới khí hậu
Bài 66. Bề mặt Trái Đất
Bài 67. Bề mặt lục địa
Bài 68. Bề mặt lục địa (tiếp theo)
Bài 69-70. Ôn tập và kiểm tra học kì II : Tự nhiên.

III - GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

1. Cấu trúc nội dung

Sách giáo khoa (SGK) TN-XH 3 có 3 chủ đề gồm 70 bài ứng với 70 tiết của 35 tuần thực học. Trong đó có 63 bài học mới và 7 bài ôn tập, được phân phối như sau :

- Con người và sức khoẻ : 16 bài mới và 2 bài ôn tập, kiểm tra.
- Xã hội : 18 bài mới và 3 bài ôn tập, kiểm tra.
- Tự nhiên : 29 bài mới và 2 bài ôn tập, kiểm tra.

Cũng như các sách TN-XH 1 và 2, nội dung kiến thức trong toàn bộ sách TN-XH 3 được phát triển theo nguyên tắc từ gần đến xa, dẫn dắt HS mở rộng vốn hiểu biết từ bản thân đến gia đình, trường học ; từ cuộc sống xã hội xung quanh, những cây cối, con vật thường gặp đến thiên nhiên rộng lớn, Mặt Trời, Trái Đất và Mặt Trăng.

Nội dung mỗi chủ đề đều được tích hợp giáo dục sức khoẻ một cách hợp lí ; đi từ sức khoẻ cá nhân trong chủ đề *Con người và sức khoẻ* đến sức khoẻ cộng đồng trong chủ đề *Xã hội* và sức khoẻ liên quan đến môi trường trong chủ đề *Tự nhiên*.

2. Cách trình bày

a) Cách trình bày chung của cuốn sách

Có sự kết hợp chặt chẽ và cân đối giữa tỉ lệ kênh chữ và kênh hình trong toàn cuốn sách.

So với các cuốn SGK TN-XH 1 và 2, tỉ lệ kênh chữ trong cuốn SGK TN-XH 3 nhiều hơn hẳn. Kênh chữ ngoài một hệ thống câu hỏi và những “lệnh” yêu cầu HS làm việc còn có phần cung cấp thông tin cho HS.

Những hình ảnh trong SGK đóng vai trò kép, vừa cung cấp thông tin, vừa chỉ dẫn hoạt động học tập, trong đó bao gồm cả những kí hiệu chỉ dẫn các hoạt động học tập cho HS và cách tổ chức dạy học cho GV. Có 6 loại kí hiệu :

– “Kính lúp” : Yêu cầu HS trước hết phải quan sát các tranh ảnh trong SGK rồi mới trả lời câu hỏi.

– “Dấu chấm hỏi” : Yêu cầu HS ngoài việc quan sát các hình ảnh trong SGK còn phải liên hệ thực tế hoặc sử dụng vốn hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

– “Cái kéo và quả dấm” : Yêu cầu HS thực hiện các trò chơi học tập.

– “Bút chì” : Yêu cầu HS vẽ về những gì đã học.

– “Ống nhòm” : Yêu cầu HS làm thực hành hoặc thí nghiệm.

– “Bóng đèn toả sáng” : Cung cấp cho HS những thông tin chủ chốt mà các em cần biết nhưng không yêu cầu phải học thuộc lòng.

b) Cách trình bày từng chủ đề

Mỗi chủ đề, ở trang đầu có tên chủ đề và hình ảnh khái quát tượng trưng cho chủ đề đó. Điều này góp phần làm rõ bố cục của cuốn sách. Ngoài ra mỗi chủ đề còn có màu sắc và hình ảnh trang trí riêng. Các bài học thuộc chủ đề *Con người và sức khoẻ* có màu hồng và gương mặt một cậu bé ; chủ đề *Xã hội* có màu xanh lá cây và gương mặt một cô bé ; chủ đề *Tự nhiên* có màu xanh da trời và Mặt Trời đang toả sáng.

c) Cách trình bày từng bài

Mỗi bài được trình bày gọn trong hai trang mở liền nhau, giúp HS dễ dàng theo dõi và có cái nhìn hệ thống toàn bài học.

Tiến trình mỗi bài học được sắp xếp theo một hệ thống hợp lí :

– Tên bài thường nêu lên vấn đề cần giải quyết.

- Các hoạt động để tìm tòi, phát hiện ra tri thức mới thường theo thứ tự :

Khám phá —————> Nhận biết —————> Vận dụng

3. Sử dụng sách giáo khoa để dạy và học

Căn cứ vào các kí hiệu được dùng trước các câu hỏi và các “lệnh” có trong bài mà HS nhận ra một chuỗi trình tự các hoạt động học tập cho từng bài ; đồng thời cũng có tác dụng gợi ý để GV lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học thích hợp.

Phần lớn các hình ảnh trong bài đóng vai trò là nguồn tri thức. Muốn khai thác được nguồn tri thức này, HS phải quan sát, làm thực hành, liên hệ thực tế và động não suy nghĩ để rút ra nhận xét, kết luận. Ngoài ra, HS còn thu nhận được nguồn tri thức trực tiếp qua mục “Bạn cần biết” được kí hiệu bằng hình ảnh “bóng đèn toả sáng”.

Hoạt động vẽ hoặc trò chơi thường được sử dụng như một công cụ hữu hiệu để củng cố, khắc sâu kiến thức và phát triển trí tưởng tượng của HS đồng thời làm cho tiết học trở nên hấp dẫn và nhẹ nhàng hơn.

IV - PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Như đã trình bày ở phần trên, GV phải có cách tiếp cận mới, cách dạy mới, tạo nên một không khí học tập nhẹ nhàng, vui tươi, tránh cho HS cách học vẹt, loại bỏ cách dạy áp đặt, cứng nhắc một chiều.

Các phương pháp và hình thức dạy học thường dùng là : quan sát, động não, đóng vai, thảo luận, giảng giải,... GV cần hướng dẫn HS biết cách quan sát, nêu thắc mắc, tìm tòi, phát hiện ra những kiến thức mới về tự nhiên và xã hội phù hợp với lứa tuổi của các em. Đối tượng quan sát của HS là tranh ảnh, sơ đồ, mẫu vật, mô hình,... ; là khung cảnh gia đình, lớp học, cuộc sống ở địa phương ; là cây cối, con vật và một số sự vật và hiện tượng diễn ra hàng ngày trong tự nhiên và xã hội.

GV cũng cần tăng cường tổ chức những hoạt động thực hành để HS biết cách thực hiện những hành vi có lợi cho sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Sau đây là những gợi ý cụ thể về việc áp dụng một số phương pháp dạy – học để dạy môn TN-XH nhằm phát huy tính tích cực học tập của HS.

1. Quan sát

a) Phương pháp quan sát là gì ?

Phương pháp quan sát dạy HS cách sử dụng các giác quan để tri giác trực tiếp, có mục đích các đối tượng trong tự nhiên và xã hội mà không có sự can thiệp vào quá trình diễn biến của các hiện tượng hoặc sự vật đó.

b) Phương pháp quan sát được vận dụng trong môn TN-XH như thế nào ?

HS quan sát chủ yếu là để nhận biết hình dạng, đặc điểm bên ngoài của cơ thể người, của một số cây xanh, một số động vật ; hoặc để nhận biết các hiện tượng đang diễn ra trong môi trường tự nhiên và cuộc sống hằng ngày. Mục tiêu quan sát phải đơn giản, phù hợp với đặc điểm nhận thức và tư duy hình tượng của HS. Trong quá trình quan sát, GV cần đặt ra các câu hỏi ngắn và rõ ràng để hướng dẫn HS tập trung vào các kiến thức cần tìm kiếm. GV có thể tổ chức cho HS quan sát ở trong lớp hay ngoài lớp (sân trường, vườn trường, các địa điểm xung quanh trường,...).

c) Cách tiến hành

– *Xác định mục đích quan sát :*

Trong một bài học, không phải mọi kiến thức HS cần lĩnh hội đều được rút ra từ quan sát, vì vậy GV cần xác định rõ việc tổ chức cho HS quan sát nhằm đạt được mục tiêu kiến thức hay kỹ năng nào.

– *Lựa chọn đối tượng quan sát :*

Đối tượng quan sát có thể là các sự vật, hiện tượng, các mối quan hệ đang diễn ra trong môi trường tự nhiên hay xã hội hoặc các tranh ảnh, mô hình, sơ đồ diễn tả các sự vật, hiện tượng đó... Khi lựa chọn đối tượng quan sát, GV cần ưu tiên lựa chọn các vật thật.

Ví dụ : Với thực vật, GV cần tổ chức cho HS quan sát các cây trồng trong sân trường, vườn trường hay trên đường phố,... Khi không có điều kiện tiếp xúc với vật thật thì GV nên cho các em quan sát tranh ảnh, mô hình,... Trong một số trường hợp, ví dụ khi học về một số động vật, về cơ thể người hay về cuộc sống xã hội, GV nên phối hợp hướng dẫn HS quan sát các con vật thật, quan sát chính cơ thể các em và cuộc sống xung quanh lẫn tranh ảnh hoặc sơ đồ, vì khi quan sát vật thật, cuộc sống thật, HS được hình thành những biểu tượng sinh động, còn tranh ảnh hay sơ đồ thể hiện được sự vật, hiện tượng ở trạng thái tĩnh với sự khái quát cao. Điều đó rất có lợi cho sự phát triển tư duy của HS.

- Tổ chức :

Có thể tổ chức cho HS quan sát cá nhân, quan sát theo nhóm hay cả lớp tùy theo nội dung, số đồ dùng học tập có được hoặc khả năng quản lí của GV và kĩ năng tự quản, làm việc hợp tác nhóm của HS (nhất là khi cho HS học ngoài lớp).

- Hướng dẫn :

Tùy theo mục đích và đối tượng được sử dụng cho HS quan sát, GV cần chỉ dẫn cho các em sử dụng nhiều giác quan để phán đoán, cảm nhận sự vật và hiện tượng (mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi,...).

Trình tự tiến hành quan sát cũng rất quan trọng, ví dụ GV cần hướng dẫn các em bắt đầu bằng sự quan sát tổng thể chung rồi mới đi vào quan sát các bộ phận, chi tiết ; quan sát từ bên ngoài rồi mới đến bên trong,....

2. Dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ

a) Tại sao tổ chức cho HS học theo nhóm lại quan trọng ?

Việc tổ chức cho HS học tập theo nhóm là quan trọng bởi nhiều lí do. Trước hết, nó cho phép HS có nhiều cơ hội hơn để diễn đạt và khám phá ý tưởng của mình, mở rộng suy nghĩ, hiểu biết và rèn luyện kĩ năng nói, kĩ năng giao tiếp,... Nó cũng cho phép HS vừa phát huy được vai trò trách nhiệm cá nhân vừa có cơ hội để học hỏi từ các bạn qua cách làm việc hợp tác, phối hợp giữa các thành viên trong nhóm. Như vậy, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm chính là đã tạo ra được một môi trường xã hội thuận lợi để trẻ hình thành tính cách và phát triển những kĩ năng xã hội (hay những kĩ năng sống) của mình.

b) Tổ chức cho HS học theo nhóm như thế nào ?

- Một bài học của môn TN-XH thường được chia thành 3 phần chính :

+ Giới thiệu bài ;

+ Phát triển bài (có từ 2 đến 3 hoạt động) ;

+ Kết luận / Củng cố.

- Có 4 cách tổ chức cho HS học tập được sử dụng trong bài học của môn TN-XH :

+ Từng cá nhân (dùng cho một số hoạt động ở phần phát triển bài hoặc củng cố) ;

+ Theo cặp (cũng dùng cho một số hoạt động ở phần phát triển bài) ;

- + Theo nhóm nhỏ từ 3 đến 6 HS (cũng dùng cho một số hoạt động ở phần phát triển bài) ;
- + Cả lớp (dùng trong phần giới thiệu bài, giới thiệu từng hoạt động và phần kết luận sau mỗi hoạt động hay cả bài).
- GV cần biết cách chia nhóm, thay đổi các HS trong nhóm một cách ngẫu nhiên hoặc chia nhóm theo sở thích hoặc theo trình độ vì HS cần có cơ hội để tham gia các nhóm khác nhau với các bạn khác nhau trong lớp để có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm với các bạn.
- GV cần chỉ dẫn cho HS biết vai trò, công việc của từng em trong nhóm một cách rõ ràng, cặn kẽ, chi tiết. Từ nhóm trưởng đến các thành viên, ai cũng có thể nhắc lại mình sẽ phải làm gì trước khi nhóm bắt đầu làm việc. Có như vậy các nhóm mới hoạt động tốt.

c) Dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ bao gồm những bước nào ?

- Chuẩn bị :
 - + Tổ chức các nhóm ;
 - + Giao nhiệm vụ cho từng nhóm (có thể tới từng HS).
 - Hướng dẫn cách làm việc của các nhóm (có thể thông qua việc bồi dưỡng các nhóm trưởng).
 - Làm việc theo nhóm :
 - + Từng cá nhân làm việc độc lập, theo sự phân công của nhóm. Ví dụ các cá nhân phải quan sát kĩ một bức tranh, một mẫu vật hay thực hiện một nhiệm vụ nào đó.
- (Bước này có thể xảy ra hoặc không xảy ra khi nhóm chuyển ngay sang cùng làm việc chung hoặc thảo luận).
- + Tập hợp các kết quả làm việc của từng cá nhân để thành sản phẩm chung của nhóm hoặc thảo luận về những gì từng cá nhân đã quan sát được. Việc thảo luận nhóm phải thực sự có sự tham gia của mọi thành viên, thể hiện :
 - Các em phải nói với nhau
 - Nghe lẫn nhau
 - Đáp lại điều bạn khác nói
 - Đưa ra ý kiến riêng của mình.

- + Các nhóm có thể đời chỗ, đi lại quan sát kết quả của nhóm bạn. Các hoạt động này giúp HS học tập kinh nghiệm lẫn nhau giữa các nhóm. (Bước này có thể xảy ra, có thể không xảy ra khi GV chuyển luôn sang làm việc chung cả lớp).
- + Trong quá trình các nhóm hoạt động, GV cần theo dõi, hướng dẫn và uốn nắn kịp thời.
 - Làm việc chung cả lớp :
- + Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo kết quả ;
- + Các nhóm khác bổ sung, góp ý,... ;
- + GV kết luận.

3. Trò chơi học tập

a) Thế nào là trò chơi học tập ?

Trò chơi có nội dung gắn với hoạt động học tập của HS.

b) Vai trò của trò chơi học tập

Trong các tiết học môn TN-XH, việc tổ chức cho HS chơi vào bất cứ phần nào của bài học đều rất quan trọng vì các lí do sau đây :

- Làm thay đổi hình thức học tập ;
- Làm không khí trong lớp học được thoải mái dễ chịu hơn ;
- Làm quá trình học tập trở thành một hình thức vui chơi hấp dẫn ;
- HS thấy vui, nhanh nhẹn, cởi mở hơn ;
- HS tiếp thu tự giác tích cực hơn ;
- HS được củng cố và hệ thống hoá kiến thức.

c) Các yêu cầu của trò chơi học tập

- Các trò chơi phải thú vị để HS thích được tham gia ;
- Phải thu hút được đa số (hay tất cả) mọi HS tham gia ;
- Các trò chơi phải đơn giản, dễ thực hiện ;
- Các trò chơi không được tốn nhiều thời gian, sức lực để không ảnh hưởng đến các hoạt động tiếp theo của tiết học hoặc ảnh hưởng đến tiết học khác ;
- Quan trọng hơn, trò chơi phải có mục đích học tập, không đơn thuần là trò chơi giải trí.

d) Cách xây dựng một trò chơi học tập

GV có thể tổ chức bất kỳ hoạt động nào thành trò chơi bằng cách vận dụng các nhân tố cơ bản của trò chơi :

- Phải có tính thi đua giữa các cá nhân và các nhóm ;
- Có quy định về sự “thưởng”, “phạt” ;
- Có cách chơi rõ ràng (bao gồm cả thời gian) ;
- Có cách tính điểm.

e) Cách tổ chức một trò chơi

- Giới thiệu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, thời gian chơi và phổ biến luật chơi.

- Cho HS chơi thử (nếu cần).
- Chơi thật.
- Nhận xét kết quả của trò chơi (có thể “thưởng” hoặc “phạt” người thắng hoặc người thua), nhận xét thái độ của người tham dự và rút kinh nghiệm.
- Kết thúc : GV hỏi xem HS đã học được những gì qua trò chơi hoặc GV tổng kết lại những gì cần học qua trò chơi này.

4. Đóng vai

a) Thế nào là phương pháp đóng vai ?

Có nhiều cách giải thích ở các góc độ khác nhau. Dưới đây là một số ví dụ :

- Đóng vai là một phương pháp dạy – học trong đó HS tham gia diễn xuất một cách bột phát một vấn đề hay một tình huống của nội dung học tập mà không cần có luyện tập trước. Quá trình diễn biến là kết quả của việc thể hiện sáng tạo những cảm xúc và trí tưởng tượng của HS.

- Đóng vai là một phương pháp thực hành (làm thử) một số cách ứng xử nào đó trong một môi trường an toàn (môi trường giả định) và được giám sát trước khi xảy ra tình huống thực...

- Đóng vai là một phương pháp dạy – học nhằm giúp HS suy nghĩ một cách sâu sắc về một vấn đề mà các em quan sát được thông qua việc thể hiện cách ứng xử của chính các bạn cùng lớp trước một tình huống được đặt ra.

b) Vai trò của phương pháp đóng vai

Trong các tiết học môn TN-XH, việc sử dụng phương pháp đóng vai là rất quan trọng, vì các lí do sau đây :

- HS được hình thành các kỹ năng giao tiếp ;
- HS được bộc lộ thái độ và cảm xúc ;
- Phát triển tính tự tin ;
- Tạo ra những tình huống giúp HS suy nghĩ và tự ra quyết định.

c) Các yêu cầu của phương pháp đóng vai

- Cần lưu ý rằng phương pháp đóng vai khác với loại hình đóng kịch thông thường ở chỗ : không có kịch bản, không cần thuộc vai, không cần diễn tập. Đặc điểm chủ yếu là hình thức tức thời của việc trình diễn.

- Đóng vai là để bắt đầu cho một cuộc thảo luận nên người đóng vai có thể làm đúng hoặc sai hoặc người đóng vai phải thực hiện một nhiệm vụ khó khăn, trong đó có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau...

- Nhiệm vụ của GV là duy trì một cuộc thảo luận thú vị sau khi các vai diễn kết thúc bằng việc gợi ý cho các tranh luận diễn ra trong các nhóm hoặc toàn lớp.

d) Cách tổ chức cho HS đóng vai

- Nêu tình huống.
- Yêu cầu HS tự nguyện xung phong nhận vai.
- Dành vài phút cho các vai diễn hội ý, bàn bạc xem sẽ thể hiện các vai diễn đó như thế nào.
- Hướng dẫn các HS còn lại tự đặt mình vào vị trí các nhân vật đó và nghĩ xem sẽ phải suy nghĩ và hành động như thế nào khi bản thân gặp tình huống đó.
- Nhóm HS xung phong đóng vai trình diễn trước cả lớp. Các HS còn lại theo dõi.
- Thảo luận về cách ứng xử của các vai diễn trước tình huống đã cho, phát hiện thêm những cách ứng xử khác, phân tích, tranh luận về những mặt ích lợi hoặc tác hại hay hạn chế của mỗi cách ứng xử...
- HS khác có thể xung phong lên đóng vai theo cách mình đã lựa chọn...
- Kết thúc : GV giúp HS tự rút ra bài học cho bản thân.

V - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

1. Quan điểm đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội

- Việc đánh giá kết quả học tập môn TN-XH cần quan tâm đến các mặt

kiến thức, kỹ năng và thái độ theo mục tiêu cụ thể của môn học đã được trình bày ở phần trên.

– Thông qua việc đánh giá GV cần uốn nắn những sai sót về kiến thức, kỹ năng và phát hiện những khó khăn của HS trong quá trình học tập. GV phải chú trọng đến việc đánh giá bằng lời nhận xét cụ thể. Bên cạnh đó cần tạo điều kiện cho HS tự đánh giá lẫn nhau thông qua các hoạt động học tập cá nhân, học nhóm.

– Hình thức đánh giá có thể sử dụng là : vấn đáp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm hoặc câu hỏi mở,...

– Đánh giá thường xuyên hàng ngày bằng cách quan sát nhận xét thái độ học tập của HS trong tiết học một cách kịp thời.

2. Đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội của học sinh

Để không cần cho điểm mà vẫn đánh giá được kết quả học tập môn TN-XH của HS và vẫn động viên khuyến khích HS tích cực học tập, trong khi tổ chức hướng dẫn HS học tập GV cần chú ý “*quan sát và nghe*” :

- Những điều từng cá nhân HS nói và làm trong quá trình học.
- + Cách các em nói với bạn ;
- + Cách các em khám phá, tìm ra những điều mới ;
- + Cách các em làm và sử dụng những gì đã biết ;
- + Những ý tưởng mới mẻ hay những gì chưa hợp lý trong suy nghĩ của các em.
- Cách giao tiếp và các mối quan hệ qua lại giữa HS với HS.
- Khi các em hoàn thành công việc, GV có thể lựa chọn các câu hỏi sao cho phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể để đánh giá quá trình học tập của các em.

Ví dụ :

- + Tại sao em làm như vậy ?
- + Bằng cách nào em biết được điều đó ?
- + Trong các việc đó, theo em việc gì khó ?
- + Còn cái gì (điều gì) liên quan đến bài học mà các em chưa biết rõ ?
- + Em đã tìm ra (học được) điều gì ?
- + Trước đây em có biết gì về điều đó không ?
- + Em có thể làm gì tiếp khi đã biết, đã hiểu về điều đó ?